TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 245/2025/HS-ST
Ngày: 24-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thống

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1), số I đường Q, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2025/QĐST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Thang Huệ Đ, sinh ngày 20/5/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: E12/32B ấp D, xã V (tổ A, ấp E, xã V, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thang Phát C và bà Lê Thị Thu T; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giam từ ngày 03/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Thị Đoan N, sinh ngày 10/01/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: 6 H, phường A (Phường E, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn G (đã chết) và bà Võ Thị Trà M; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giam từ ngày 03/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thị Cẩm V, sinh ngày 20/11/2003 tại tỉnh An Giang. Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp M, xã L (xã M, huyện C cũ), tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giam từ ngày 03/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Ngô Minh T2, sinh ngày 25/10/2000 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Hộ khẩu thường trú: F26 tổ C, ấp P, xã L (xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị N1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt quả tang và tạm giam từ ngày 03/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nhà nghỉ K do bà Trần Thị T3 làm chủ

Địa chỉ: 49/16 Phạm Văn S, ấp B, xã B (xã X, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị T3, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 4 P, ấp B, xã B (xã X, huyện H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Bà Võ Thị Trà M, sinh năm: 1969

Địa chỉ: 60/12 Huỳnh Khương An, phường An Nhơn (phường 5, Quận Gò Vấp cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: J4-17 đường D25, khu dân cư Tây S, (xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cũ) xã Đ, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 00 phút, ngày 03/8/2024 Công an xã X phối hợp cùng Đội quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện H tiến hành kiểm tra hành chính nhà nghỉ K địa chỉ số D ấp B, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện tại phòng số 10, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N, Ngô Minh T2, Thang H đang sử dụng trái phép chất ma túy. Tại thời điểm kiểm tra tổ công tác phát hiện thu giữ trong nhà vệ sinh có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa có nắp đậy trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa và 01 đoạn thủy tinh có đầu tròn chứa chất rắn (ký hiệu m) lập hồ sơ xử lý.

Tại bản kết luận số 9301/KL-KTHS ngày 12/8/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: Tinh thể được ký hiệu mẫu m cần giám định là ma tuý ở thể rắn, có khối lượng là 0,1006 gr, loại Methamphetamine.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H: Thang H, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N và Ngô Minh T2 khai nhận: Vào tháng 5 năm 2024 Đ, N và V đã cùng nhau hùn tiền mỗi người 263.000 đồng mua ma túy cung sử dụng ma túy tại phòng số 10 của nhà nghỉ K còn một ít chưa sử dụng hết, Đình gói lại, dùng băng keo đen, dán vào phía bên trong chân giường cất giấu. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 03/8/2024, Đ nhắn tin cho V với nội dung bên nhà nghỉ K còn ma túy, kêu V đi mua nỏ và gặp nhau tại nhà nghỉ K để sử dụng. Sau đó, V rủ N cùng đi mua nỏ (ở khu cư xá Bà Đ1 không rõ địa chỉ). Khoảng 19 giờ cùng ngày N và V đến nhà nghỉ K đặt thuê phòng số 10 rồi nhắn tin cpho Đình thì Đ hẹn 01 tiếng nữa Đ và T2 đến cùng sử dụng ma túy. Sau đó, Đ rủ T2 qua đi đến nhà nghỉ tại địa chỉ số D ấp B, xã X, huyện H để sử dụng dụng ma túy. T2 đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 72AL - 085.23 đến nhà Đ chở Đ đi. Đến 20 giờ 00 phút ngày 03/8/2024, Đ rủ T2 đi đến nhà

nghỉ, cả hai lên phòng số 10 thì V và N đang chờ ở đây. Đình lấy ma túy cất giấu trước đó ra, V và N lấy nỏ ra, Đ hỏi T2 sử dụng ma túy không, T2 đồng ý và thỏa thuận tiền thuê phòng để sử dụng ma túy là 290.000 đồng chia đều làm 04 phần, T2 trả cả phần cho Đ là 145.000 đồng, để cả bốn cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 23 giờ cung ngày khi cả bốn đang sử dụng ma tuý thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang như đã nêu trên.

Thang H, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N khai nhận số ma túy thu giữ là của Đ, V, N góp tiền lại đặt mua trên facebook của một người đàn ông có tài khoản facebook tên là "Nam Van" (không rõ lai lịch) hiện tại tài khoản facebook của Đ sử dụng đã bị mất nên không thể liên lạc được với "Nam Van" vào tháng 5 năm 2024 với giá 300.000 đồng tiền vận chuyển ma túy là 100.000 đồng và 390.000 đồng thuê phòng được chia làm ba phần mỗi người 263.000 đồng để cùng nhau sử dụng nhưng chưa hết nên Đ đem cất giấu.

Theo bản cáo trạng số 30/CT-VKSKV8 ngày 21/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Thang H, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đối với bị cáo Ngô Minh T2 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 và khoản 2 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và bị cáo.

Sau khi phát biểu ý kiến kết luận về vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 xử phạt các bị cáo Thang H, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N từ 08 năm đến 09 năm tù; và tuyên bố các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N phạm tội tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 xử phạt các bị cáo Thang H, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; tuyên bố bị cáo Ngô Minh T2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo Thang H, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N 02 tội danh; tiêu hủy ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy; sung ngân sách nhà nước số tiền 310.000 đồng, điện thoại di động, xe gắn máy; trả lại xe gắn máy cho bà M; phạt bổ sung các bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N và Ngô Minh T2: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình; kính mong Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N, Ngô Minh T2 tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng truy tố. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản bắt người, thu giữ vật chứng, kết quả giám định … cùng các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2] Bị cáo khai nhận: Vào tháng 5 năm 2024 các bị cáo Đ, N và V đã cùng nhau hùn tiền mỗi bị cáo 263.000 đồng mua ma túy cùng sử dụng ma túy tại phòng số 10 của nhà nghỉ K nhưng còn một ít chưa sử dụng hết. Bị cáo Đình gói lại, dùng băng keo đen, dán vào phía bên trong chân giường cất giấu. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 03/8/2024, bị cáo Đ nhắn tin cho bị cáo V với nội dung bên nhà nghỉ K còn ma túy, kêu bị cáo V đi mua nỏ và gặp nhau tại nhà nghỉ K để sử dụng. Sau đó, bị cáo V rủ bị cáo N cùng đi mua nỏ (ở khu cư xá Bà Đ1 không rõ địa chỉ). Khoảng 19 giờ cùng ngày bị cáo N và bị cáo V đến nhà nghỉ K đặt thuê phòng số 10 rồi nhắn tin cho bị cáo Đ thì bị cáo Đ hẹn 01 tiếng nữa bị cáo Đ và bị cáo T2 đến cùng sử dụng ma túy. Sau đó, bị cáo Đ rủ bị cáo T2 qua đi đến nhà nghỉ tại địa chỉ số D ấp B, xã X, huyện H để sử dụng ma túy. Bị cáo T2 đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 72AL-085.23 đến nhà bị cáo Đ chở bị cáo Đ đi. Đến 20 giờ 00 phút ngày 03/8/2024, bị cáo Đ rủ bị cáo T2 đi đến nhà nghỉ, cả hai lên phòng số 10 thì bị cáo V và bị cáo N đang chờ ở đây. Bị cáo Đ lấy ma túy cất giấu trước đó ra, bị cáo V và bị cáo N lấy nỏ ra, bị cáo Đ hỏi bị cáo T2 sử dụng ma túy không, bị cáo T2 đồng ý và thỏa thuận tiền thuê phòng để sử dụng ma túy là 290.000 đồng chia đều làm 04 phần, bị cáo T2 trả cả phần cho bị cáo Đ là 145.000 đồng, để cả bốn bị cáo cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 23 giờ cung ngày khi cả bốn bị cáo đang sử dụng ma tuý thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Với những tình tiết được chứng minh như trên đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo Ngô Minh T2 đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" tội phạm được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 nên bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N, Ngô Minh T2 tính đến ngày phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, không có tiền sự. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử nghĩ có chiếu cố giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là thỏa đáng.

[5] Các bị cáo thừa biết ma túy là chất gây nghiện mang tính độc hại cao, do đó đã bị Nhà nước cấm mua bán dưới bất kỳ hình thức nào. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền về các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật

tự xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Vì vậy, đối với hành vi này cần phải được nghiêm trị trước pháp luật, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Trong vụ án này, các bị cáo đều tự đồng ý ý chí thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, không bị cáo nào bị ép buộc sau khi bị cáo Thang Huệ Đ dùng điện thoại nhắn tin rủ rê các bị cáo khác tham gia sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật tại thời điểm bị bắt quả tang là lần thứ 2 sau khi thực hiện lần thứ 1 còn dư ma túy và cất giấu để sử dụng tiếp nên các bị cáo Thang H, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N phải chịu hình phạt về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" định khung từ 02 lần trở lên và 02 người trở lên và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Còn bị cáo Ngô Minh T2 chỉ tham gia lần bị bắt quả tang nên chỉ chịu hình phạt về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" định khung từ 02 người trở lên. Từ dó, Hội đồng xét xử sẽ có mức hình phạt tương ứng với các hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong ghi vụ 2836/24 bên ngoài có dấu vân tay màu đỏ, chữ ký ghi tên Thang Huệ Đ và hình dấu Công an xã X, huyện H (nay là xã B) bên trong có 01 ống thủy tinh chứa tinh thể ở thể rắn, có khối lượng 0,1006g, loại Methamphetamine. Xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. Xét tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam 310.000 đồng dùng để trả tiền phòng trọ. Xét tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen có số sim 0584279803, đã qua sử dụng sử dụng liên lạc để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xét tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu S1 Galaxy A95 số sim 1: 0923851534, sim 2: 0346431223, đã qua sử dụng sử dụng liên lạc để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xét tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng có số sim 0585850577, đã qua sử dụng sử dụng liên lạc để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xét tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen có số sim 0523257837, đã qua sử dụng sử dụng liên lạc để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xét tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe gắn máy biển số 72AL-08523, số khung MHJA4658RK09777, số máy JA69E5009981 đã qua sử dụng. Qua xác minh do bị cáo T2 đứng tên chủ sở hữu sử dụng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xét tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Lead, biển số 59V1-00683, số khung LWBTDH10XA1006551, số máy WH150MH10E00977 đã qua sử dụng. Qua xác minh do bà Võ Thị Trà M mẹ ruột của bị cáo N đứng tên sở hữu, không biết bị cáo sử dụng vào việc làm phương tiện để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xét trả lại cho bà M.

[8] Ở dạng tội phạm này, ngoài hình phạt tù các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn không có khả năng nộp phạt nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Đối với đối tượng bán ma túy cho bị cáo Đ (không rõ lai lịch), đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục truy xét nếu bắt được sẽ xử lý sau.

[11] Ngày 17/9/2025, Công an Thành phố H có công văn số 4978/CSMT-Đ3 về việc đề nghị Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị T3 về hành vi không có giấy phép đăng ký kinh doanh lưu trú nhưng cho Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N, Ngô Minh T2 thuê ngủ qua đêm dẫn đến nhóm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, chữa cháy cứu nạn, cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Ngô Minh T2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào các Điều 455, Điều 456, Điều 463 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thang Huệ Đ 08 (tám) năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm V 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Đoan N 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Minh T2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Thời hạn tù được tính từ ngày 03 tháng 8 năm 2024.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thang Huệ Đ 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm V 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Đoan N 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung đối với 02 (hai) tội danh trên đối với các bị cáo:

Bị cáo Thang Huệ Đ phải chấp hành là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03 tháng 8 năm 2024.

Bị cáo Lê Thị Cẩm V phải chấp hành là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03 tháng 8 năm 2024.

Bị cáo Huỳnh Thị Đoan N phải chấp hành là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03 tháng 8 năm 2024.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Thang Huệ Đ, Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Thị Đoan N, Ngô Minh T2.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong ghi vụ 2836/24 bên ngoài có dấu vân tay màu đỏ, chữ ký ghi tên Thang Huệ Đ và hình dấu Công an xã X, huyện H (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) bên trong có 01 ống thủy tinh chứa tinh thể ở thể rắn, có khối lượng 0,1006g, loại Methamphetamine.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 310.000 Việt Nam đồng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen có số sim 0584279803 đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Galaxy A95 số sim 1: 0923851534, sim 2: 0346431223 đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng có số sim 0585850577 đã qua sử dụng

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen có số sim 0523257837 đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe gắn máy biển số 72AL-08523, số khung MHJA4658RK09777, số máy JA69E5009981.

- Trả lại cho bà Võ Thị Trà M 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Lead, biển số 59V1-00683, số khung LWBTDH10XA1006551, số máy WH150MH10E00977.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/3/2025, bút lục số 281).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm ngàn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận toàn sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam khu vực Hóc Môn;
- VKSND khu vực 8 – Thành phố Hồ Chi Minh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Phòng THADS khu vực 8 – Thành phố Hồ Chi Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an PV06;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thống